TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HC-PT
Ngày: 04 tháng 9 năm 2025
V/v*: Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương.

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 326/2025/TLPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 187/2024/HC-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (cũ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Lô A, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Huỳnh Minh V - Luật sư Văn phòng Luật sư Huỳnh Minh V (có mặt).

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K;

Người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp: Chủ tịch UBND tỉnh A.

Địa chỉ: Số F, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND đặc khu P2, tỉnh An Giang);

Người đại diện theo ủy quyền của đặc khu P: Ông Nguyễn Văn H - Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND đặc khu P2.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Nguyễn Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Kim T trình bày:

Trước đó, bà nhận được giấy mời ngày 10/10/2023 đến Uỷ ban nhân dân xã gặp ông Lý Thành L là Công chức Địa chính - Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P để làm việc về thửa đất tại ấp L, xã C và đề nghị bà dẫn xuống đất để kiểm tra đo đạc, đếm cây trồng, diện tích nhà thực tế bà đã quản lý sử dụng, xây rào, cất nhà từ nhiều năm trước và cũng đã gửi hồ đề nghị được đo đạc cấp giấy chứng nhận QSD đất, nhiều lần liên hệ các cơ quan chức năng đối với diện tích 32.778,8m^2. Thế nhưng, vẫn không được phản hồi từ Ủy ban nhân dân xã C và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P theo quy định của pháp luật. Do không nhận được kết quả giải quyết từ các cơ quan trên, bà đã có đơn khiếu nại hành vi hành chính đối với Ủy ban nhân dân xã C và UBND Thành phố P2 gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh K ngày 18/9/2023. Trong khi bà chưa nhận được kết quả giải quyết khiếu nại từ Ủy ban nhân dân tỉnh K theo pháp luật. Ngày 10/10/2023 Ủy ban nhân dân xã C đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số: 100/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai tại ấp L đối với bà.

Ngày 30/10/2023 xã C lại mời bà đến Uỷ ban nhân dân xã lần 5 để lập Biên bản số: 111/ BB-XM điều chỉnh, bổ sung nội dung Biên bản số: 100/BB-XM, trên biên bản làm việc này bà không ký tên vào, bởi do ông L ghi nhận nội dung không đúng thực tế sự việc xảy ra.

Ngày 22/11/2023 bà nhận được Quyết định xử phạt hành chính số: 2768/QĐXPHC ngày 08/11/2023 do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K Nguyễn Thanh N1 ký với nội dung: "Xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Kim T sinh ngày 30/10/1971..." đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: "Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn với diện tích 11.085,3m^2" quy định tại điểm đ khoản 4, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 và khoản 4 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Hình thức xử phạt chính: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng);

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 11.085,3m^2 đất đã chiếm tại ấp L, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý, sử dụng... theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

- Buộc bà nộp lại số tiền 91.611.909 đồng (Chín mươi mốt triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm lẻ chín đồng) là số lợi tức bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 được sửa đổi, bổ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP.

Lý do khởi kiện:

1. Về nội dung: Quyết định xử phạt hành chính số: 2768/QĐ-XPHC ngày 08/11/2023 do ông P Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K Nguyễn Thanh N1 ký chưa đủ căn cứ pháp lý, không có đối tượng sử dụng đất, với nội dung chưa rõ ràng về lỗi vi phạm: "Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn...".

Đối với khu vực mà bà khai thác sử dụng, thật ra đây là một khu đất trước đây do ông Lâm Hồng V1, bà Nguyễn Thị Công K hoang phục hóa từ năm 1983 trong đợt xã phát động trồng cây Đào và đã được Nhà nước cho đăng ký xác lập quyền sử dụng đất thể hiện trên sơ đồ địa chính còn gọi là Sơ đồ 14 có diện tích 8,41ha, thực hiện theo Chỉ thị số 22 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K năm 1992 trên toàn tỉnh Kiên Giang.

Trong khi đó, vài hộ có đất giáp ranh đất ông Lâm Hồng V1 đã chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận QSD đất, ngoài ra còn có một số người bao chiếm đất của ông Lâm Hồng V1 (trong diện tích 8,41ha) đã cất nhà trái phép và chuyển nhượng cho người khác lại được xét cấp sổ đỏ chính thức.

Ngoài ra, phần đất bà khai thác, sử dụng trong khu vực này hoàn toàn không thuộc diện lấn chiếm đất của Ủy ban nhân dân xã C và cũng không phải của khu vực sân bóng đá của xã C.

Bởi vì từ trước đến nay, không có công bố chính thức nào của Ủy ban nhân dân xã C trên cơ sở pháp lý (Quyết định thu hồi đất của cấp thẩm quyền và đã cấp cho Ủy ban nhân dân xã C trực tiếp quản lý và bản thân ông Lâm Hồng V1 không có viết văn bản hiến đất? Đây chỉ là một sự tùy tiện, tự phát của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã C mà thôi.

Theo quy định của Luật Đất đai: Cá nhân, tổ chức, tập thể chỉ được công nhận là chủ sử dụng đất đai hợp pháp, phải được Cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền công nhận và cấp giấy chứng nhận QSD đất đúng quy trình thủ tục pháp luật quy định.

Ngày 18/09/2023, bà đã có Đơn khiếu nại hành vi hành chính của các viên chức liên quan trong việc cấp giấy CNQSD đất lần đầu (có hành vi sai phạm)

của UBND thành phố P2 và quy trình xét duyệt hồ sơ, xác nhận về nguồn gốc đất không đúng đối tượng của Ủy ban nhân dân xã C đến Ủy ban nhân dân tỉnh K, thế nhưng đến nay bà vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Trái lại, hiện nay bà lại nhận được một Quyết định xử phạt hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành.

- Xét về nguồn gốc đất:

Tại thời điểm ông Lý Thành L - Công chức Địa chính xã C kiểm tra việc sử dụng đất đai của công dân, Ủy ban nhân dân xã C cũng chưa cung cấp được văn bản, quyết định nào cụ thể chứng minh rằng quyền sử dụng khu đất này đã được Nhà nước cấp thẩm quyền chính thức giao cho xã quyền quản lý, sử dụng. Bởi vì, theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành: Cá nhân, tổ chức, tập thể chỉ được công nhận là chủ sử dụng đất đai hợp pháp, phải được cơ quan Nhà nước cấp thẩm quyền công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy trình luật định và phần đất phải được sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Trong khi đó, khu đất có diện tích 11.085,3m^2 nằm trong 32.778,8m^2 bà đang khai thác, sử dụng là do bà trực tiếp nhận chuyển nhượng lại từ ông Lâm Quốc K1 là người thừa kế quyền lợi, nghĩa vụ của ông Lâm Hồng V1 và bà Nguyễn Thị C.

Ông Lâm Hồng V1 và bà Nguyễn Thị C là người đã khai hoang, phục hóa trên diện tích 8,41ha đất và có tên trong sổ địa chính được thể hiện trên Sơ đồ 14, có các giấy xác nhận của T1 ấp và các cụ lão đã xác nhận về nguồn gốc đất của ông Lâm Hồng V1. Hiện nay chưa có một Văn bản hay Quyết định nào thu hồi quyền sử dụng của ông Lâm Hồng V1 đối với diện tích khu đất này.

Như vậy, xét nội dung về lỗi vi phạm do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên làm căn cứ là không phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế sự việc xảy ra.

2. Xét về thủ tục xử lý vi phạm hành chính:

Tại thời điểm ông Lý Thành L lập biên bản vi phạm hành chính, trên khu đất này hoàn toàn không có hành vi vi phạm nào xảy ra.

Về vật kiến trúc và cây trồng trên đất: Sau khi bà nhận chuyển nhượng lại khu đất của ông Lâm Quốc K1 vào năm 2016, bà đã cải tạo vườn tạp và tu bổ mặt bằng dần dần và thực hiện việc xây dựng hàng rào, trồng cây từ năm 2019 đến năm 2020.

- Về các biên bản xử lý vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân xã C chỉ căn cứ trên hiện trạng thực địa đã được ổn định trước đó là chưa đúng quy định của pháp luật xử phạt hành chính hiện hành.

Về nguyên tắc, xử phạt hành chính phải được thực hiện kịp thời trong khi hành vi vi phạm trực tiếp đang xảy ra, nhưng Ủy ban nhân dân xã C thiết lập

biên bản về hành vi vi phạm hành chính khi tại thời điểm thiết lập, không có sự vi phạm xảy ra là không đúng quy định pháp luật.

Tại Ủy ban nhân dân xã C cả 02 lần mời bà ra lập biên bản đều không có người đại diện chính quyền hoặc đại diện cá nhân, tổ chức bị thiệt hại chỉ có ông Lý Thành L tự ý ghi biên bản.

Như vậy, xét nội dung về lỗi vi phạm do Quyết định xử phạt hành chính số: 2768/QĐ-XPHC ngày 08/11/20/23 của Ủy ban nhân dân tỉnh K là không phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế sự việc xảy ra - không có lỗi vi phạm.

Đồng thời, biên bản vi phạm sự việc xảy ra được thiết lập khống, khi tại hiện trường không có phát sinh bất cứ hành vi vi phạm nào.

Từ các căn cứ trên, nay bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 2768/QĐ-XPHC ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc xử phạt vi phạm hành chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện tại Văn bản số 519/UBND NC ngày 20/3/2024, cụ thể như sau:

2.1. Về nguồn gốc đất: Hiện trạng diện tích đất này trước năm 1993 là đất cây rừng tự nhiên, không có tổ chức, cá nhân nào vào canh tác sử dụng. Năm 1993 thực hiện theo Chỉ thị số 14/UB-CT ngày 20/8/1992 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức cấp giấy chứng nhận tạm thời quyền sử dụng đất, qua đo đạc, kê khai trong Sơ đồ 14 thì phần diện tích trên vẫn không được đo đạc cho tổ chức, cá nhân nào sử dụng.

Ngày 18/6/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định số 2163/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q để bảo vệ và phát triển rừng tại P trong đó có phần diện tích đất nêu trên.

Tuy nhiên, đến năm 2010 theo Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 thì phần diện tích đất này không còn nằm trong diện tích đất rừng phòng hộ mà Uỷ ban nhân dân tỉnh đã giao cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ và đặc dụng huyện Q theo Quyết định số 2163/QĐ-UB ngày 18/6/1998 của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Do đó Ủy ban nhân dân tỉnh K đã ban hành Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 về việc thu hồi đất, giao đất cho Ủy ban nhân dân xã C (trong đó có phần diện tích đất này) để đề xuất giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Về các chứng cứ khác chứng minh chủ thể và quá trình quản lý sử dụng đất: Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này hoặc trên giấy tờ không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của UBND cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng

thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất.

Qua làm việc với ông Lâm Quốc K1 (Bút lục số 26), ông K1 thừa nhận có bán đất cho bà Nguyễn Kim T với diện tích 32.778,8m^2 theo hợp đồng chuyển nhượng đất do ông K1 ký lập bán ngày 02/5/2016 và chữ ký trong hợp đồng nêu trên là đúng và cùng vị trí diện tích 11.085,3m^2 (theo sơ đồ đo đạc lập với bà Nguyễn Kim T ngày 10/10/2023). Diện tích đất ông K1 bán cho bà T có nguồn gốc: Vào năm 1983 Ủy ban nhân dân xã C phát động phong trào trồng Đào trên đất trống và Phòng Nông nghiệp cung cấp 20kg hạt giống Đào cho cha của ông K1 là ông Lâm Hồng V1 trồng trên tổng diện tích 8,41ha, trong đó có phần diện tích 11.085,3m^2 nêu trên. Đến năm 1990 gia đình ông Lâm Hồng V1 và ông Lâm Hồng K2 chuyển về xã G sinh sống. Từ năm 1990 đến năm 2016 gia đình ông K2 vẫn thường xuyên xuống khu đất chăm sóc cây. Ngày 25/7/2006 cha ông K2 là Lâm Hồng V1 có lập tờ tường trình về việc trồng Đ và xin đất diện tích 05ha tại Rạch Đ và Rạch B và được các hộ dân và Ban nhân dân ấp 3 xác nhận nhưng theo sơ đồ lá 8,41ha. Từ năm 2016 đến nay khu - đất 8,41ha đã bị một số hộ chiếm gồm: Nguyễn Văn T2, Hồ Phi T3, Hồ Thị D, Thái Thị Bích H1, Nguyễn Trung K3, Mai Trường G, Phan Thanh L1, Lâm Thị Mỹ D1 và khu đất diện tích 11085,3m2 (khu sân bóng) gồm Du Minh T4, Du Văn V2, Du Văn H2, Bùi Văn Ú, Hồ Văn C1.

Qua làm việc xác minh với các ông (bà) Phạm Văn Đ1, Đào Hữu P1, Lý Văn T5, Vũ Thị H3 (vợ ông Lý Ngọc D2), Nguyễn Văn L2 là những người có liên quan đến việc xác nhận vào tờ tường trình và giấy xác nhận lập năm 2006, có ý kiến trình bày: Vào năm 1983 Ủy ban nhân dân xã C và Đảng ủy xã C có vận động các đoàn thể và nhân dân trồng cây phủ xanh đồng trống với mục đích hưởng thành quả, thì năm 1983 ông Lâm Hồng V1 có đến khu đất Nhà nước quản lý tại Rạch Đ và Rạch Bà thuộc ấp L, xã C để trồng Đào khoảng 20kg hột (nhưng không trùng vào phần diện tích 11.085,3m nêu trên). Từ năm 1990 đến nay thì ông V1 và gia đình bỏ về xã G sinh sống, không đến khu đất trên tác động; ông Phạm Văn Đ1 cho rằng chữ ký trên giấy xác nhận lập ngày 05/10/2023 không phải là chữ ký của ông, từ trước tới nay ông Đ1 không có ký các loại giấy tờ xác nhận cho ông Lâm Hồng V1.

Căn cứ vào các tài liệu, hồ sơ và biên bản làm việc, xác minh với các ông (bà): Nguyễn Văn Ơ, Phạm Công M, Nguyễn Mộng H4, Phạm Văn Đ1, ông Đào Hữu P1, Lý Văn T6, Vũ Thị H3 (vợ ông Lý Ngọc D2), Nguyễn Văn L2 là những người sinh sống tại xã C và biết rõ khu đất diện tích 11.085,3m^2 nêu trên có nguồn gốc như sau:

Từ trước năm 1993 đến năm 1998 là đất cây rừng tự nhiên chưa được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý. Hiện trạng đất trước năm 1993 là đất cây rừng tự nhiên không có tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào vào canh tác sử dụng.

Năm 1993 thực hiện theo Chỉ thị số 14/CT-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc đo đạc kê khai trong Sơ đồ 14 thì phần diện tích trên vẫn không được đo đạc cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào sử dụng.

Ngày 18/6/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 2163/QĐ- UB thành lập Rừng phòng hộ và đặc dụng Phú Quốc đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q quản lý theo thẩm quyền, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 nêu trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ban Q (Bút lục số 10).

Đến năm 2003, hiện trạng khu đất trên là đồng trống có Tràm nước tự nhiên xen kẽ, Ủy ban nhân dân xã C và Ban N2 tiến hành phát hoang thửa đất trên làm sân bóng đá cho thanh niên địa phương xã C giao lưu bóng đá và Uỷ ban nhân dân xã cũng có tổ chức giải bóng đá hàng năm. Đến năm 2005 do mặt bằng sân xuống cấp Uỷ ban nhân dân xã có cải tạo đổ đất nâng cấp sân và có xây dựng khán đài.

Từ năm 2009 đến nay do mặt sân không đảm bảo nên xã không tổ chức bóng đá tại khu đất trên.Tuy nhiên, hiện trạng trên đất hiện nay vẫn còn tồn tại 01 khán đài có diện tích 40,6m^2, kết cấu: Nền xi-măng, vách xây tường, mái tole tiền chế.

Đến ngày 14/12/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 2598/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Ủy ban nhân dân xã C tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 1.566.929,7m^2 thuộc quyền sử dụng của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Q, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 nêu trên.

Từ năm 2012 đến nay phần diện tích 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý (khu sân bóng).

Đến ngày 10/10/2023 phát hiện bà Nguyễn Kim T đang thực hiện hành vi chiếm đất phi nông nghiệp (đất xây dựng cơ sở T7) thuộc khu vực nông thôn với diện tích 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Hiện trạng: Đã xây dựng 01 căn nhà diện tích 47,8m^2, kết cấu mái tole, vách tole, nền xi măng và trồng một số cây như: Dừa, X, C2. Trên phần diện tích 11.085,3m^2 hiện trạng có 01 kháng đài (đã xuống cấp) diện tích 40,6m^2, kết cấu nền xi măng, vách xây tường, mái tole tiền chế (có biên bản xác minh ngày 26/10/2023 kèm theo).

Như vậy, các tài liệu, chứng cứ nếu trên đã chứng minh rõ về nguồn gốc tích 11.085,3m^2 đất mà bà Nguyễn Kim T đang chiếm sử dụng là loại đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối do Ủy ban nhân dân xã C quản lý theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Lý do yêu cầu khởi kiện về nguồn gốc đất do bà Nguyễn Kim T đưa ra là không có cơ sở, do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi liện này của bà Nguyễn Kim T.

2.2. Về thủ tục xử lý vi phạm hành chính.

Thứ nhất, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2021 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm.

Điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP quy định đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Kim T tại các biên bản làm việc (Bút lục số 03), biên bản vi phạm hành chính (Bút lục số 04) và biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính (Bút lục số 28) thể hiện: Vật kiến trúc và cây trồng trên đất là do bà T đã cải tạo vườn tạp và tu bổ mặt bằng dần dần ngay sau khi nhận chuyển nhượng lại đất của ông Lâm Quốc K1 vào năm 2016 và thực hiện việc xây dựng hàng rào, trồng cây từ năm 2019 đến năm 2020 và đến tháng 4 năm 2021 bà T cất nhà tiền chế mái tole, vách tole, nền xi măng với diện tích 47,8m^2. Tại biên bản vi phạm hành chính, bà T cho rằng "Tôi không vi phạm vì từ năm tôi nhận chuyển nhượng đến nay không có ai tranh chấp, tôi quản lý, sử dụng liên tục đến nay". Điều này đã chứng minh rất rõ ràng là hành vi vi phạm hành chính (chiếm đất) của bà Nguyễn Kim T đang diễn ra và đến ngày 10/10/2023 Công chức Địa chính của xã C trong quá trình thi hành công vụ mới xác định được bà Nguyễn Kim T là người đang thực hiện hành vi chiếm diện tích 11.085,3m2 đất loại đất SON do Ủy ban nhân dân xã C đứng tên quản lý theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Do đó Công chức Địa chính của xã C đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 100/BB-VPHC vào hồi 16 giờ 20 phút ngày 10/10/2023 đối với bà Nguyễn Kim T theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Thứ hai, theo hồ sơ vụ việc xử phạt đã xác lập thể hiện rất rõ ràng là khi lập các biên bản đối với bà Nguyễn Kim T đều có ông Lê Minh K4 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C tham gia làm người đại diện tổ chức bị thiệt hại (Ủy ban nhân dân xã C) và bà Nguyễn Mộng H4 là người chứng kiến, trực tiếp chứng kiến việc lập biên bản và ký tên xác nhận vào từng trang biên bản theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể như: Tại Biên bản đo đạc, kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất do bà Nguyễn Kim T thừa nhận đang quản lý canh tác và chỉ ranh đo đạc lập hồi 14 giờ ngày 10/10/2023 (Bút lục 02) có người chứng kiến ghi rõ họ tên Nguyễn Mộng H4, địa chỉ ấp L, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Tại Biên bản làm việc số 01/BB-LV lập hồi 15 giờ ngày 10/10/2023 (Bút lục 03) và Biên bản vi phạm hành chính số 100/BB-VPHC lập hồi 16 giờ 20 phút ngày 10/10/2023 có ông Lê Minh K4 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C tham gia làm người đại diện tổ chức bị thiệt hại (Ủy ban nhân dân xã C) và bà

Nguyễn Mộng H4 là người chứng kiến, trực tiếp chứng kiến việc lập biên bản và ký tên xác nhận vào từng trang biên bản.

Như vậy, lý do yêu cầu khởi kiện về thủ tục xử lý vi phạm hành chính do bà Nguyễn Kim T đưa ra là không đúng, do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi liện này của bà Nguyễn Kim T.

Từ những nội dung trên, việc bà Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử hủy Quyết định số 2768/QĐ-XPHC ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Kim T là không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân xã của cạn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T tại văn bản số 164/CV-UBND ngày 18/11/2024 và văn bản số 191/CV-UBND ngày 24/12/2024, cụ thể:

1. Về nguồn gốc đất:

1.1 Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với phần diện tích 11.085,3m^2:

Hiện trạng diện tích đất 11.085,3m^2: Từ trước năm 1993 đến 1998 là đất cây rừng tự nhiên chưa được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý.

Hiện trạng đất trước năm 1993 là đất cây rừng tự nhiên không có tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào vào canh tác sử dụng.

Năm 1993 thực hiện theo Chỉ thị số 14 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc đo đạc kê khai trong sơ đồ 14 thì phần diện tích trên vẫn không được đo đạc cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào sử dụng.

Ngày 18/6/1998 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định 2163/QĐ-UB thành lập Rừng phòng hộ và đặc dụng Phú Quốc đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q quản lý theo thẩm quyền, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ban Q.

Đến năm 2003, hiện trạng khu đất trên là đồng trống có Tràm nước tự nhiên xen kẽ, Ủy ban nhân dân xã C và Ban N2 tiến hành phát hoang thửa đất trên làm sân bóng đá cho thanh niên địa phương xã C giao lưu bóng đá và Uỷ ban nhân dân xã cũng có tổ chức giải bóng đá hàng năm.

Đến năm 2005 do mặt bằng sân xuống cấp Uỷ ban nhân dân xã có cải tạo đổ đất nâng cấp sân và có xây dựng khán đài.

Từ năm 2009 đến nay do mặt sân không đảm bảo nên xã không tổ chức bóng đá tại khu đất trên.

Đến ngày 14/12/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 2598/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho ủy ban nhân dân xã C tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 1.566.929,7m^2 thuộc quyền sử dụng của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Q, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 nêu trên.

Từ năm 2012 đến nay phần diện tích 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý (Khu sân bóng).

Đến ngày 10/10/2023 phát hiện bà Nguyễn Kim T đang thực hiện hành vi chiếm đất phi nông nghiệp (Đất xây dựng cơ sở T7) thuộc khu vực nông thôn với diện tích 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Hiện trạng: Đã xây dựng 01 căn nhà diện tích 47,8m^2, kết cấu mái tole, vách tole, nền xi măng và trồng một số cây như: Dừa, X, C2.

1.2. Chứng cứ khác chứng minh nguồn gốc đất đối với phần diện tích 11.085,3m^2:

- Qua làm việc bà Nguyễn Kim T cho rằng diện tích đất 11.085,3m^2 nêu trên do nhận chuyển nhượng đất từ ông Lâm Quốc K1 năm 2016 (có giấy tay bà cung cấp sau) với tổng diện tích là 32778,8m^2 ông K1 sinh sống hiện nay tại xã G) có nguồn gốc do ông Lâm Hồng V1 Khai phá năm 1983 trồng Đào, chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2012 ông Lâm Hồng V1 chết. Ông Lâm Quốc K1 (con ruột ông V1) vào quản lý. Đến tháng 5 năm 2019 bà phát dọn khu đất. Đến tháng 10/2020 bà tiếp tục cho xe cuốc vào phát dọn san lấp mặt bằng trồng cây như D3, X, C2 và xây dựng hàng rào gạch Block, khung sắt và trụ bê tông, dây kẽm gai theo ranh đất. Đến tháng 4 năm 2021 cất dựng nhà tiền chế mái tole, vách tole, nền xi măng với diện tích 47,8m^2. Đến ngày 20/6/2022 Ủy ban nhân dân xã C có ban hành thông báo số 61/TB-UBND về việc tìm cá nhân, tổ chức vi phạm bao chiếm đất Nhà nước quản lý tại khu vực sân bóng, tổ A, ấp L, xã C dán tại nhà tiền chế của bà.

Qua làm việc xác minh với ông Lâm Quốc K1 (có biên bản ngày 30/10/2023 kèm theo), ông K1 có ý kiến trình bày: Ông Lâm Quốc K1 thừa nhận có bán đất cho bà Nguyễn Kim T với diện tích 32778,8m^2 theo sơ đồ do bà T lập ngày 02/2/2016 và hợp đồng chuyển nhượng đất có sơ đồ 15 thành quả lao động, tài sản trên đất do ông K1 ký lập bán ngày 02/5/2016 và chữ ký trong hợp đồng nêu trên là đúng và cùng vị trí diện tích 11.085,3m^2 (theo sơ đồ đo đạc lập với bà Nguyễn Kim T ngày 10/10/2023). Có nguồn gốc vào năm 1983 Ủy ban nhân dân xã C phát động phong trào trồng Đào trên đất trống và phòng Nông nghiệp cung cấp 20kg hạt giống Đào (theo tôi biết là Nhà nước cho hạt giống) và cha là ông Lâm Hồng V1 trồng trên tổng diện tích 8,41ha (có sơ đồ không thể hiện ngày, tháng, năm và đơn vị đo đạc do cha tôi là Lâm Hồng V1 để lại) trong đó có phần diện tích 11.085,3m^2 nêu trên. Đến năm 1990 cha và gia đình tôi chuyển về xã G sinh sống. Từ năm 1990 đến năm 2016 gia đình tôi vẫn thường xuyên hàng năm xuống đất chăm sóc cây. Từ năm 2016 đến nay khu đất 8,41ha đã bị một số hộ chiếm gồm: Ông Nguyễn Văn T2, Hồ Phi T3, Hồ Thị D, bà Thái

Thị Bích H1, ông Nguyễn Trung K3, ông Mai Trường G, ông Phan Thanh L1, bà Lâm Thị Mỹ D1 và khu đất diện tích 11085,3m^2 (khu sân bóng) gồm Du Minh T4, Du Văn V2, Du Văn Hoàng BuiNG Văn Ú1, Hồ Văn C1. Ngày 25/7/2006 cha tô là Lâm Hồng V1 có lập tờ tường trình diện tích 5ha tại Rạch Đ và Rạch B và được các hộ dân và Ban nhân dân ấp 3 xác nhận nhưng theo sơ đồ là 8,41ha.

Qua làm việc xác minh với các ông (bà) Phạm Văn Đ1, ông Đào Hữu P1, ông Lý Văn T6, bà Vũ Thị H3 (vợ ông Lý Ngọc D2), ông Nguyễn Văn L2 là những người có liên quan đến việc xác nhận vào tờ tường trình và giấy xác nhận lập năm 2006, có ý kiến trình bày: Vào năm 1983 Ủy ban nhân dân xã C và Đảng ủy xã C có vận động các đoàn thể và nhân dân trồng cây phủ xanh đồng trống với mục đích hưởng thành quả, thì năm 1983 ông Lâm Hồng V1 có đến khu đất Nhà nước quản lý tại Rạch Đ và Rạch Bà thuộc ấp L, xã C để trồng Đào khoảng 20 kg hột (nhưng không trùng vào phần diện tích 11.085,3m^2 nêu trên) quản lý. Từ năm 1990 đến nay thì ông V1 và gia đình bỏ về xã G sinh sống không đến khu đất trên quản lý.

Căn cứ vào các tài liệu, hồ sơ và biên bản làm việc, xác minh với ông Nguyễn Văn Ơ, ông Phạm Công M, bà Nguyễn Mộng H4, Phạm Văn Đ1, ông Đào Hữu P1, ông Lý Văn T6, bà Vũ Thị H3 (vợ ông Lý Ngọc D2), ông Nguyễn Văn L2 là những người sinh sống tại xã C và biết rõ khu đất diện tích 11.085,3m nêu trên có nguồn gốc:

Từ trước năm 1993 đến 1998 là đất cây rừng tự nhiên chưa được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý.

Hiện trạng đất trước năm 1993 là đất cây rừng tự nhiên không có tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào vào canh tác sử dụng.

Năm 1993 thực hiện theo Chỉ thị số 14 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc đo đạc kê khai trong Sơ đồ 14 thì phần diện tích trên vẫn không được đo đạc cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào sử dụng.

Ngày 18/6/1998 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định 2163/QĐ-UB thành lập Rừng phòng hộ và đặc dụng Phú Quốc đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q quản lý theo thẩm quyền, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 nêu trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ban Q.

Đến năm 2003, hiện trạng khu đất trên là đồng trống cỏ dại và thanh niên trên địa bàn xã tự tổ chức đá bóng giao lưu. Năm 2005 Ủy ban nhân dân xã C thực hiện san lấp và lắp đặt khung thành, xây dựng khán đài, xây dựng sân bóng đá theo Quyết định số 406/QĐ-UB ngày 01/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc đầu tư xây dựng mới sân bóng đá C; Tờ trình số 01/TT-UB ngày 24/2/2004 của Ủy ban nhân dân xã C được Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ủy ban nhân dân huyện P2 duyệt chấp thuận số 417/QĐ-UB; Quyết định số

1683/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Từ năm 2009 đến nay do mặt sân không đảm bảo nên xã không tổ chức bóng đá tại khu đất trên.

Đến ngày 14/12/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 2598/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho ủy ban nhân dân xã C tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 1.566.929,7m^2 thuộc quyền sử dụng của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Q, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 nêu trên.

Từ năm 2012 đến nay phần diện tích 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý (khu sân bóng). Ngày 10/10/2023 phát hiện bà Nguyễn Kim T đang thực hiện hành vi chiếm đất phi nông nghiệp (đất xây dựng cơ sở T7) thuộc khu vực nông thôn với diện tích 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Hiện trạng: đã xây dựng 01 căn nhà diện tích 47,8m^2, kết cấu mái tole, vách tole, nền xi măng và trồng một số cây như: Dừa, X, C2. Trên phần diện tích 11.085,3m^2 hiện trạng có 01 khán đài (đã xuống cấp) diện tích 40,6m^2, kết cấu nền xi măng, vách xây tường, mái tole tiền chế (có biên bản đo đạc và làm việc xác minh ngày 10/10/2023 kèm theo).

Ngày 10/10/2023 Ủy ban nhân dân xã C lập Biên bản vi phạm hành chính số 100/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Kim T, sinh ngày 30/10/1971, căn cước công dân số 0911 7101 2471, nơi ở hiện tại: Lô A N, thành phố R, tỉnh Kiên Giang với nội dung như sau: Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 10/10/2023, tại vị trí đất thuộc ấp L, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang phát hiện bà Nguyễn Kim T đang thực hiện hành vi chiếm đất phi nông nghiệp (đất xây dựng cơ sở T7) tại khu vực nông thôn với diện tích là 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Hiện trạng diện tích 11.085,3m^2 đất bà Nguyễn Kim T chiếm: Đã xây dựng 01 căn nhà diện tích 47,8m^2, kết cấu: mái tole, vách tole, nền xi măng và trồng một số cây như: Dừa, X, C2 (được miêu tả chi tiết tại biên bản đồ đạo ngày 10/10/2023). Quy định tại: Điểm đ khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ- CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

(Ủy ban nhân dân xã C căn cứ vào Công văn số 1499/UBND-NCPC ngày 07/9/2023 của UBND thành phố P2 để xác định loại đất xử lý vi phạm hành chính đối với phần diện tích 11.085,3m^2 mà bà T đang chiếm sử dụng).

Như vậy, các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã chứng minh rõ về nguồn gốc diện tích 11085,3m^2 là đất phi nông nghiệp (đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao) tại khu vực nông thôn do Ủy ban nhân dân xã C quản lý theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc thu hồi đất, giao đất cho Ủy ban nhân dân xã C tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 1.566.929,7m^2 thuộc quyền sử dụng của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Q, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 nêu trên. Lý do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T là không có cơ sở.

2. Về trình tự, thủ tục lập hồ sơ xử lý:

Đến ngày 10/10/2023 phát hiện bà Nguyễn Kim T đang thực hiện hành vi chiếm đất phi nông nghiệp (đất xây dựng cơ sở T7) thuộc khu vực nông thôn với diện tích 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Hiện trạng: đã xây dựng 01 căn nhà diện tích 47,8m^2, kết cấu mái tole, vách tole, nền xi măng và trồng một số cây như: Dừa, X, C2. Trên phần diện tích 11.085,3m^2 hiện trạng có 01 kháng đài (đã xuống cấp) diện tích 40,6m^2, kết cấu nền xi măng, vách xây tường, mái tole tiền chế (có biên bản đo đạc và làm việc xác minh ngày 10/10/2023 kèm theo).

Ngày 10/10/2023, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân xã C lập Biên bản vi phạm hành chính số 100/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Kim T, sinh ngày: 30/10/1971, căn cước công dân số 0911 7101 2471, nơi ở hiện tại: Lô A- 07 Nguyễn Hùng S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang với nội dung như sau: Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 10 năm 2023, tại vị trí đất thuộc ấp L, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang phát hiện bà Nguyễn Kim T đang thực hiện hành vi chiếm đất phi nông nghiệp (đất xây dựng cơ sở T7) tại khu vực nông thôn với diện tích là 11.085,3m^2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Hiện trạng diện tích 11.085,3m^2 đất bà Nguyễn Kim T chiếm: Đã xây dựng 01 căn nhà diện tích 47,8m, kết cấu: Mái tole, vách tole, nền xi măng và trồng một số cây như: Dừa, X, C2 (được miêu tả chi tiết tại biên bản đo đạc ngày 10/10/2023). Quy định tại: Điểm đ khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Trong quá trình làm việc có người chứng kiến là bà Nguyễn Mộng H4 và đại diện tổ chức bị thiệt hại là Ủy ban nhân dân xã C và bà Nguyễn Kim T ký tên (Nguyễn Mộng H4, Lê Minh K4).

Ngày 30/10/2023, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân xã C lập Biên bản số 111/BB-XM Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Kim T, sinh ngày: 30/10/1971, căn cước công dân số 0911 7101 2471, nơi ở hiện tại: Lô A N, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình làm việc bà Nguyễn Kim T có mặt để làm việc và có ý kiến trình bày nhưng không chịu ký tên vào biên bản, trong quá trình làm việc có người chứng kiến và đại diện Ủy ban nhân dân xã K5.

Như vậy căn cứ vào hồ sơ xử lý, tài liệu, chứng cứ kèm theo. Lý do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T là không có cơ sở. Việc Ủy ban nhân dân xã C phát hiện hành vi vi phạm của bà Nguyễn Kim T và lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T có đầy đủ các thành phần tham gia, trong hồ sơ thể hiện rõ có người chứng kiến, đại diện tổ chức bị thiệt hại là Ủy ban nhân dân xã C và bà Nguyễn Kim T đều đã ký tên.

Từ các căn cứ nêu trên, quan điểm của Ủy ban nhân dân xã C khẳng định bà Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu Huỷ Quyết định số 2768/QĐ-XPHC ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K xử phạt vi phạm hành chính

đối với bà Nguyễn Kim T là không có cơ sở, xem xét. Ủy ban nhân dân xã C đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2024/HC-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2768/QĐ-XPHC ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Kim T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/01/2025 người khởi kiện bà Nguyễn Kim T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Kim T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định hành chính 2768/QĐ-XPHC ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Kim T.

Trong phần tranh luận, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T cho rằng: Nguồn gốc diện tích 11.086m^2 là do bà T chuyển nhượng của ông Lâm Quốc K1 năm 2016. Phần đất này do cha mẹ ông K1 là ông Lâm Hồng V1 và bà Nguyễn Thị Công K khẩn và nhận khoán từ năm 1983, có tên trong Sổ địa chính và được thể hiện trên sơ đồ 14. Bà T xác định trên đất không có xây sân bóng có người làm chứng ông Đào Hữu P1, ông Lê Văn H5, ông Trần Văn S1 xác nhận. Thời điểm xử phạt không có hành vi vi phạm, bà T sử dụng đất từ năm 2016 nhưng đến năm 2023 Ủy ban mới xử phạt là không đúng quy định. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng bị vi phạm: không giao ngay biên bản vi phạm cho bà T, không có đại diện UBND xã C.... Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Phần diện tích 11.085,3m^2 tại do bà T sử dụng thuộc đất rừng phòng hộ do Ban Q quản lý theo Quyết định số 2136/QĐ-UB ngày 18/6/1998, năm 2003 quy hoạch làm sân bóng đá cho xã C để tổ chức đá bóng, năm 2012 phần đất này được giao cho UBND xã C quản lý theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh K. Mặc dù hiện tại sân bóng đó không còn sử dụng nhưng qua thẩm định tại chỗ của Tòa án cũng như qua kiểm tra xử phạt của UBND xã thì trên đất vẫn còn khán đài, cầu môn của sân

bóng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T khai khi mua không có sân bóng nhưng khi đưa xe cuốc vô thì phát hiện có bức tường nhỏ. Theo lời khai của ông Lâm Quốc K1 người chuyển nhượng đất cho bà T thì nguồn gốc đất của gia đình sử dụng từ năm 1983, đến năm 1990 gia đình chuyển về xã G sinh sống nhưng gia đình vẫn thường xuyên xuống đất chăm sóc cây. Tuy nhiên theo trình bày của các ông (bà) Nguyễn Văn Ơ, Phạm Công M, Nguyễn Mộng H4, Phạm Văn Đ1, ông Đào Hữu P1, Lý Văn T6, Vũ Thị H3 (vợ ông Lý Ngọc D2), Nguyễn Văn L2 là những người sinh sống tại xã C đều xác nhận diện tích 11.085,3m^2 bà T bị xử phạt là đất do nhà nước quản lý, trước năm 2003 là khu đất trống cỏ dại, đến năm 2003 xã sử dụng là sân bóng đá. Do đó, việc bà T cho rằng nguồn gốc đất bị xử phạt là đất của ông Lâm Hồng V1, bà Nguyễn Thị C (cha mẹ ông K1) sử dụng trồng đào từ năm 1993, đến năm 2016 chuyển nhượng cho bà là không có cơ sở.

Như vậy, diện tích đất bà T đang sử dụng thuộc quyền quản lý của UBND xã C. Do đó UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T, có người chứng kiến theo đúng quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 08/11/2023, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2868/QĐ-XPHC đối với bà T là còn thời hạn và đúng thẩm quyền theo điểm b khoản 1 Điều 66, khoản 3 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Bà T cho rằng chưa xác định cụ thể và chính xác thửa đất bà T đang sử dụng thuộc quyền quản lý của UBND xã C và trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không phù hợp với quy định của pháp luật, là không có cơ sở. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Kim Tuyền làm trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Ngày 10/10/2023 Ủy ban nhân dân xã C lập Biên bản vi phạm hành chính số 100/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với phần đất có diện tích 11.085,3m^2 tại ấp L do bà Nguyễn Kim T, do có hành vi "Chiếm đất phi nông

nghiệp tại khu vực nông thôn". Tại thời điểm lập biên bản có mặt bà Nguyễn Kim T và bà Nguyễn Mộng H4 người chứng kiến và đã giao cho bà T 01 bản. Ngày 30/10/2023 Ủy ban nhân dân xã C đã lập Biên bản số 111/BB-XM xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Kim T, bà T có mặt và trình bày ý kiến, nhưng không ký tên vào biên bản. Ngày 08/11/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 2868/QĐ-XPHC đối với bà T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất 11.085,3m^2 như sau:

Trước năm 1993 là đất cây rừng tự nhiên không có tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào vào canh tác sử dụng. Năm 1993 thực hiện theo Chỉ thị số 14 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc đo đạc kê khai trong Sơ đồ 14 thì phần diện tích trên vẫn không được đo đạc cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng.

Ngày 18/6/1998 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định 2163/QĐ-UB thành lập Rừng phòng hộ và đặc dụng Phú Quốc đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q quản lý theo thẩm quyền, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ban Q.

Năm 2003, hiện trạng khu đất trên là đồng trống cỏ dại và thanh niên trên địa bàn xã tự tổ chức đá bóng giao lưu. Năm 2005, Ủy ban nhân dân xã C thực hiện san lấp và lắp đặt khung thành, xây dựng khán đài, xây dựng sân bóng đá theo Quyết định số 406/QĐ-UB ngày 01/3/2004 của Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc đầu tư xây dựng mới sân bóng đá C; Tờ trình số 01/TT-UB ngày 24/02/2004 của Ủy ban nhân dân xã C được Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ủy ban nhân dân huyện P2 duyệt chấp thuận số 417/QĐ-UB; Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Từ năm 2009 do mặt sân không đảm bảo nên Uỷ ban nhân dân xã không tổ chức bóng đá tại khu đất trên. Đến ngày 14/12/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 2598/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Ủy ban nhân dân xã C tại xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 1.566.929,7m^2 thuộc quyền sử dụng của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Q, trong đó có diện tích đất 11.085,3m^2 nêu trên.

Từ năm 2012 đến nay phần diện tích 11.085,3m2 đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý (khu sân bóng).

[5] Bà T cho rằng diện tích 11.085,3m^2 là do bà nhận chuyển nhượng của ông Lâm Hồng V1 vào năm 2016. Bà cho rằng nguồn gốc đất này ông V1 sử dụng trồng đào từ năm 1993, sử dụng đến khi chuyển nhượng lại cho bà. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc xác minh của Uỷ ban nhân dân xã đối với các ông (bà) Nguyễn Văn Ơ, Phạm Công M, Nguyễn Mộng H4, Phạm Văn Đ1, ông Đào Hữu P1, Lý Văn T6, Vũ Thị H3 (vợ ông Lý Ngọc D2), Nguyễn Văn L2 là

những người sinh sống tại xã C đều xác nhận diện tích 11.085,3m^2 bà T bị xử phạt có nguồn gốc theo nội dung nêu tại mục [4]. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì trên đất thể hiện các loại cây mới trồng, không có cây cổ thụ trồng lâu năm và có khán đài, cầu môn của sân bóng.

[6] Theo nội dung nêu tại mục [4], [5] thì có căn cứ xác định phần đất có diện tích 11.085,3m^2 Ủy ban nhân dân xã C đã làm sân bóng đá từ năm 2005. Bà T quản lý, sử dụng đất nhưng không có sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hành vi chiếm đất. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KGiang ban hành quyết định 2768/QĐ- XPHC xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc bà T khôi phục lại hiện trạng ban đầu, trả lại điện tích đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý, nộp lại số tiền 91.611.909 đồng (là số lợi tức có được do hành vi vi phạm hành chính) là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Kim T yêu cầu Tòa án cho trưng cầu giám định con dấu của Ủy ban nhân dân huyện P2 trong quyết định 1683/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện P2, về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn hành sân bóng đá xã C có phải con dấu của Ủy ban nhân dân huyện P2 không, là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà T có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Kim T;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2024/HC-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang);

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 38, Điều 58, Điều 65, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 2 Điều 3, Điều 14, Điều 38, Điều 40 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2768/QĐ-XPHC ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Kim T.

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011385 ngày 13/01/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự
- Lưu (Án MTTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu